

**TÁC ĐỘNG VĂN HÓA CỦA QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI
TỪ CHỮ HÁN - NÔM SANG CHỮ QUỐC NGỮ:
TỪ GÓC NHÌN CỦA PHILIPPE PAPIN ĐẾN
NHỮNG GỢI NHắc CHO VIỆT NAM HÔM NAY**

**THE CULTURAL EFFECTS IN VIETNAM SINCE ITS SHIFT
FROM CHU NOM TO QUOC NGU IN THE EYES OF PHILIPPE PAPIN**

Lã Trọng Đại*

1. Việt Nam là một đất nước có bề dày lịch sử hàng ngàn năm. Hiển nhiên, với một bề dày lịch sử như thế, chúng ta có cơ sở để tin tưởng vào sự phong phú và thâm sâu, bền chắc của các yếu tố văn hóa, cũng như những nét đặc thù trong căn tính của dân tộc này. Một trong những căn cứ xác đáng nhất để giúp ta có thể kiểm chứng được điều đó chính là ngôn ngữ, mà hẹp hơn và tin cậy hơn là chữ viết, với những cứ liệu thành văn được lưu giữ lại qua thời gian. Bởi lẽ, chữ viết là cầu nối tri thức và văn hóa giữa các thế hệ, các thời đại, phản ánh chân thực văn hóa và lịch sử của một dân tộc.

Vậy nhưng, nhìn vào lịch sử chữ viết của tiếng Việt, người ta sẽ không khỏi băn khoăn và ái ngại. Trên hành trình lịch sử đầy rẫy những thăng trầm của dân tộc, thứ chữ viết dùng để ghi lại âm tiếng Việt đã không có được một sự ổn định xuyên suốt, mà trải qua muôn vàn biến thiên dâu bể, bao hàm trong đó cả những đứt gãy. Vẫn biết, sự biến thiên là quy luật vận động của mọi thứ ngôn ngữ nói chung, chữ viết nói riêng trên thế giới. Ngôn ngữ nói sẽ vận động theo quy luật ly tâm, ngày càng cá thể hóa và phương ngữ hóa khi lan tỏa trong cộng đồng theo cả chiều không gian và thời gian, xa dần cái gốc ban đầu. Chữ viết cũng sẽ không ngừng vận động, biến đổi để có thể ghi ký lại sự phát triển tư duy của con người. Vì thế, cùng một hệ tiếng nói, chữ viết, nhưng những con người ở thời đại khác nhau vẫn hoàn toàn có thể cảm thấy không dễ dàng để có thể kết nối tư duy với nhau. Tuy nhiên, đó chỉ là sự vận động nội tại liên tục mang tính quy luật của ngôn ngữ. Và văn hóa, theo đó, cũng không ngừng phát triển trên nền tảng kế thừa, lớp lang, tuần tự, nếu có đột biến cũng không thể coi là hẫng hụt. Nhưng lịch sử chữ viết tiếng Việt thì đặt ra cho chúng ta những thử thách ngặt nghèo hơn nhiều để đánh giá sự vận động văn hóa của dân tộc này. Dân tộc Việt đã nhiều lần thay đổi chữ viết, hoặc tự nguyện, hoặc bị áp đặt, hoặc cả hai. Trong đó, quá trình thay đổi từ *chữ Hán - Nôm* sang *chữ Quốc ngữ (Latin)* được coi là một lần đứt gãy thực sự của dòng lịch sử chữ viết tiếng Việt, khi đó là sự thay đổi hoàn toàn từ hệ ký hiệu này sang một hệ ký hiệu khác, kéo theo đó là sự thay đổi của phương thức tư duy và vòng ảnh hưởng văn hóa.

Đánh giá tác động văn hóa của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ là điều không dễ dàng để có thể phân minh, cặn kẽ, càng khó để có thể đạt được thống

* Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Chủ nghĩa Xã hội Khoa học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

nhất. Bởi nó luôn được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, và quá trình thay đổi đó lại diễn ra trong một thời đoạn lịch sử mà bối cảnh chính trị - văn hóa - xã hội của Việt Nam hết sức phức tạp. Để có một cái nhìn thực sự khách quan, thấu đáo về vấn đề này, chúng ta nhất thiết phải có sự tham chiếu, đối sánh các ý kiến khác nhau với điểm xuất phát đa dạng trên cả trục thời gian, không gian và góc độ tiếp cận. Về thời gian, khoảng lùi lịch sử gần một thế kỷ kể từ khi chữ Quốc ngữ áp đặt được thể “thống trị” của mình so với chữ Hán - Nôm có lẽ phần nào đã giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về tác động văn hóa của sự chuyển giao này. Về không gian và góc độ tiếp cận, việc nghiên cứu ý kiến của các học giả nước ngoài am hiểu Việt Nam trở nên thực sự cần thiết, bởi họ có một lợi thế mà các học giả Việt Nam khó lòng có được, đó là họ không nằm trong vòng ảnh hưởng của quá trình tác động văn hóa đó.

Trong nhiều học giả nước ngoài từng quan tâm đến vấn đề này, Philippe Papin xứng đáng là một trong những nhà khoa học đáng tin cậy. Là một người Pháp, ông đã quan tâm đến Việt Nam như một phần trong ký ức của chính dân tộc mình. Việt Nam chiếm một vị trí đáng kể trong toàn bộ các hoạt động nghiên cứu khoa học của Philippe Papin. Sau khi hoàn thành luận án tiến sĩ với đề tài *Lịch sử Hà Nội cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*, Philippe Papin tới Việt Nam lần đầu vào năm 1988 và nhanh chóng bồi đắp thêm cho mình niềm đam mê nghiên cứu cũng như tình yêu đối với mảnh đất này. Từ 1992 đến 1995, Philippe Papin làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội; sau đó ông được nhận vào Viện Viễn Đông Bác cổ, nghiên cứu tại trung tâm của viện ở Hà Nội. Sống ở Hà Nội nhiều năm, lấy một người vợ Việt Nam, làm việc trong những trung tâm nghiên cứu hàng đầu của đất nước, cùng với phong cách nghiên cứu khoa học nghiêm túc, Philippe Papin đã có cho mình nhiều cuốn sách, bài báo về Hà Nội và Việt Nam được đông đảo bạn đọc nồng nhiệt đón nhận. Trong đó, cuốn *Việt Nam, hành trình một dân tộc* của ông được giới nghiên cứu cả trong nước và nước ngoài đánh giá cao cả về sự công phu trong nghiên cứu và cách tiếp cận vấn đề độc lập. Chính trong cuốn sách này, Philippe Papin thể hiện đậm độ quan điểm, nhận định của mình về tác động văn hóa của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Tham khảo những nhận định này của Philippe Papin là một gợi ý tiếp cận đáng lưu tâm đối với chúng ta.

2. Để tiếp cận những nhận định của Philippe Papin về tác động văn hóa của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam, thiết nghĩ điều cần thiết trước tiên là định hình những nhận định của ông về phương thức, con đường để chữ Quốc ngữ dần chiếm vị trí độc tôn trong văn tự của nước ta. Điều này cố nhiên quan trọng, vì nó là yếu tố căn bản tạo nên lăng kính của người đánh giá.

Theo Philippe Papin, quá trình phổ thông của chữ Quốc ngữ ở Việt Nam *được xác lập dựa nhiều hơn vào những quyết định chính trị*. Đây là một nhận định đúng đắn. Trước hết, về phía chính quyền thực dân Pháp, lựa chọn phổ biến chữ Quốc ngữ cho người Việt là một quyết định hữu dụng nhưng cũng “lưỡng nan”. Ông viết: “Do nhà cầm quyền thực dân triển khai, chữ La-tinh-hóa đã rất mau chóng trở thành chuyển ngữ của phong trào hiện đại hóa, nhưng, cho phong trào này là phản loạn, nhà cầm quyền lùi bước và từ năm 1907 không

còn chiều cổ chữ La-tinh-hóa nữa” (Philippe Papin, 2001, tr.75). Điều này đồng thuận với ý kiến nhiều nhà nghiên cứu khác. Giáo sư Nguyễn Phú Phong trong sách *Việt Nam, chữ viết, ngôn ngữ và xã hội* cũng đã viết: “Chữ Quốc ngữ trước kia bị xem như một toan tính của chính quyền thuộc địa hòng La Mã hóa nền quốc học Việt Nam, như một vũ khí đi chinh phục của ngoại nhân, bây giờ được đón tiếp như một công cụ chuyển tải hữu hiệu những tư tưởng yêu nước, những tri thức mới” (Nguyễn Phú Phong, 2005).

Sự phổ thông của chữ Quốc ngữ, theo Philippe Papin, cũng được thúc đẩy bởi quyết định mang tính chính trị từ phía Đảng Cộng sản và chính quyền cách mạng: “Thực tế chính phong trào quốc gia đã thúc đẩy mãnh liệt sự phổ biến chữ La-tinh-hóa, từ năm 1930 nhưng nhất là sau năm 1945. Ngay từ thời tiền chiến, một cuộc vận động rộng lớn “truyền bá Quốc ngữ” đã được phát khởi, và, năm 1943, đề cương văn hóa của Đông Dương Cộng sản đảng tuyên bố cần quy định ngữ pháp và thuần hóa chữ Quốc ngữ (phải hiểu là loại ra những “tàn dư” của Pháp). Năm 1945, chữ Quốc ngữ trở thành cưỡng bách tại nhà trường” (Philippe Papin, 2001, tr.75-76); “Ngôn ngữ đã là một ưu tiên của chính phủ ngay từ năm 1947. Họ quan niệm như sau: hễ khi nào có thể, thay một từ Hán - Việt bằng một từ Việt Nam có nghĩa tương đương” (Philippe Papin, 2001, tr.76).

Cho rằng quá trình phổ thông của chữ Quốc ngữ *được xác lập dựa nhiều hơn vào những quyết định chính trị* tất yếu sẽ chi phối cách đánh giá của Philippe Papin về tác động của quá trình thay đổi chữ viết đến văn hóa Việt Nam. Sự thay đổi chữ viết, nếu dựa trên sự tự nguyện và đồng thuận của cộng đồng thì những tác động văn hóa mà nó tạo ra sẽ theo xu hướng thuận chiều, tiếp biến và phát triển. Ngược lại, nếu sự thay đổi đó dựa trên những quyết định chính trị mang tính cưỡng bách, thì tác động văn hóa của nó sẽ đa chiều, bao hàm cả những đề kháng và phản kháng. Bởi lẽ, mỗi nền văn hóa đều có mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ với thứ chữ viết góp phần tạo nên chính nó. Ngôn ngữ nói chung và chữ viết nói riêng là một sản phẩm của cộng đồng và mang tính quy ước. Chính cộng đồng sẽ quyết định sự phát triển của chữ viết, chứ nó khó lòng bị chi phối bởi ý chí, nguyện vọng hay đề xuất của một cá nhân hoặc bị cưỡng bách thực thi bởi một mệnh lệnh hành chính.

Những cứ liệu lịch sử mà các nhà nghiên cứu đã chỉ ra cho chúng ta thấy rằng, quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam vừa là kết quả của sự cưỡng bách, áp đặt, lại vừa là kết quả của sự tiếp nhận tự nguyện. Những nhận định cho rằng sự phổ thông của chữ Quốc ngữ hoàn toàn do áp đặt mang tính chính trị, hay hoàn toàn là một quá trình tự nhiên, tự nguyện đều không thực sự chính xác. Sự phổ thông của chữ Quốc ngữ, khởi đầu, liên quan một cách mật thiết đến chính sách thực dân của Pháp ở Việt Nam. Nó đã có một quá trình lan tỏa liên tục từ các nhà thờ đến giáo dân, từ Nam ra Bắc, từ giới chức hành chính đến xã hội, từ bị cưỡng bách đến tự nguyện tiếp nhận. Quá trình định hình một thứ chữ viết hoàn toàn xa lạ với những văn tự truyền thống của dân tộc (Hán, Nôm) hẳn nhiên không thể dễ dàng, êm thuận, nhất là ở giai đoạn đầu. Về điều này, Giáo sư Nguyễn Phú Phong đã viết:

“Nói chung bước đầu của chữ Quốc ngữ ở miền Nam gặp nhiều khó khăn vì nhiều lý do. Tại những người chủ xướng là ngoại nhân đi chinh phục. Tại họ là những

quân nhân chỉ lấy những biện pháp cấp thời để giải quyết những vấn đề giai đoạn nên không có một cái nhìn lâu dài. Tại việc giáo dục mới mà chữ Quốc ngữ là công cụ chuyển tải chính mặc dù có những kiện tướng như Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Huỳnh Tịnh Của, phải đương đầu với một hàng ngũ còn hùng mạnh thuộc trường học Hán - Nôm truyền thống mà đại diện là các nhà nho yêu nước như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Bùi Hữu Nghĩa, v.v. Cuộc đối địch không thuần xảy ra giữa hai chữ viết của một ngôn ngữ mà còn giữa hai thái độ chính trị, hợp tác và chống đối; giữa các tôn giáo, đạo Ki-tô một bên và Nho, Đạo và Phật, bên kia” (Nguyễn Phú Phong, 2005).

Bước ngoặt quyết định dẫn đến sự thành công của chữ Quốc ngữ là do chính các nhà nho trong hàng ngũ Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục. Các lãnh tụ của phong trào Duy Tân (*Bộ ba Quảng Nam: Trần Quý Cáp (1871-1908); Phan Châu Trinh (1872-1926); Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947)*) với tư tưởng bài xích nền cựu học cử nghiệp, muốn đánh đổ các hủ tục, lối nhầm mắt học từ chương theo kiểu khoa bảng cũ, các tư tưởng thoái hóa của tầng lớp sĩ phu thủ cựu; muốn hướng sự học vào các khoa học kỹ thuật mới, xem nặng thực nghiệp, chấn hưng công thương nghiệp. Các ông đã ra sức kêu gọi học chữ Quốc ngữ, từ đó tạo nên một bước chuyển biến căn bản về thái độ của quốc dân với chữ Quốc ngữ. “Từ buổi đầu cuộc chiếm đóng Nam Kỳ của Pháp đến khi Phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời, nửa thế kỷ trôi qua, chữ Quốc ngữ đã lọt xác dưới mắt các sĩ phu Việt Nam” (Nguyễn Phú Phong, 2005).

3. Việc định hình lăng kính của Philippe Papin khi tiếp cận vấn đề này là cơ sở để chúng ta có thể hiểu chính xác hơn những đánh giá của ông về tác động văn hóa của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Theo Philippe Papin, những tác động văn hóa của quá trình này nổi bật ở những khía cạnh cơ bản sau đây:

Trước hết, quá trình thay đổi chữ viết trực tiếp tạo ra sự dịch chuyển ảnh hưởng của vùng văn hóa đến Việt Nam: từ văn hóa Trung Hoa chuyển sang văn hóa Pháp, văn hóa Tây phương. Ông viết: “Thực tế, chữ viết theo mẫu tự la tinh đã tách rời Việt Nam khỏi sự giám hộ của tiếng Hán. Thời gian đầu, thôi dùng chữ Hán tức là tách biệt với văn viết. Sau đó, ngay từ những năm đầu độc lập, là giai đoạn thứ hai, Việt Nam hóa tối đa từ vựng và cú pháp: nói một cách khác, tức là tách biệt với văn nói. Hai biến động này dĩ nhiên đã để lại những hệ quả cho ngày nay” (Philippe Papin, 2001, tr.77). Sự dịch chuyển từ vùng ảnh hưởng Trung Quốc sang vùng ảnh hưởng văn hóa Pháp, văn hóa Tây phương, khỏi sự từ chữ viết, là điều dễ thấy, nhưng không dễ để tưởng tượng được những thay đổi lớn lao mà nó có thể mang lại.

Trong hàng nghìn năm, sống bên cạnh một gã khổng lồ văn hóa là Trung Quốc, lại chịu cảnh nghìn năm Bắc thuộc, không có gì phải bàn cãi về sự ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Quốc lên văn hóa Việt Nam. Dấu ấn rõ nét nhất của sự ảnh hưởng ấy chính nằm ở ngôn ngữ, chữ viết. Dù xuyên suốt lịch sử, dân tộc Việt Nam đã chứng tỏ sức phản kháng bền bỉ của mình đối với mưu đồ đồng hóa của đế chế phương Bắc. Theo nhà nghiên cứu

Nguyễn Hải Hoàn, chính bởi cha ông ta, bằng ý chí, bản lĩnh và sức sáng tạo đáng kinh ngạc của mình, đã bảo tồn được tiếng Việt - một trong những điều kiện căn bản nhất để không bị đồng hóa về văn hóa. *Tiếng Việt còn thì nước ta còn*. Những sáng tạo ấy, đơn cử như cách đọc chữ Hán bằng âm tiếng Việt, hay tạo ra chữ Nôm, dù trên cơ sở chữ Hán, để ghi lại âm tiếng Việt, đã khiến cho mọi mưu toan xóa sổ tiếng Việt của những kẻ xâm lược phương Bắc hầu như bất lực (Nguyễn Hải Hoàn, 2017). Nhưng, điều đó không đồng nghĩa với việc Trung Quốc không áp đặt được dấu ấn văn hóa của mình lên văn hóa Việt Nam. Cùng sử dụng hệ chữ viết tượng hình, biểu ý, ta khó có thể nói về một cuộc lột thoát hoàn toàn trong cách tư duy, trong tâm thức của người Việt so với người Trung Hoa.

Kể từ khi chữ Quốc ngữ xuất hiện, tình thế đã thực sự xoay chiều. Một thứ chữ viết hoàn toàn mới, ghi âm chứ không ghi ý, đã đem đến một cơ hội thực sự để tạo nên bước ngoặt trên con đường thoát khỏi ảnh hưởng văn hóa phương Bắc của người Việt Nam. Tạo ra sự dịch chuyển của vùng văn hóa, khởi sự từ chữ viết, là phương cách vừa nhanh chóng, vừa lâu dài, vừa trực diện vừa thâm sâu. Những người Pháp sớm nhận ra điều đó. Việc thay thế chữ viết vào giữa thế kỷ 19 ở Việt Nam là một hành động chính trị có tác động đến văn học, đến giáo dục, đến xã hội. **Etienne Aymonier**, từng làm công sứ Pháp tại Bình Thuận, giám đốc trường thuộc địa, thành viên của Hội đồng Quản trị Hội Pháp-văn Liên-hiệp (Alliance Francaise) từng chỉ rõ: “Cuộc thống trị của Pháp không thể nào thực hiện được nếu không có một hình thức biểu hiện tiếng An-nam bằng những con chữ Âu Tây,... Đứng một bên cái công cụ cần yếu mà không hoàn toàn đó, có cách sử dụng đơn giản nhưng giới hạn đó, chúng ta cần phải gieo rắc vào người dân An Nam rằng cái nhu cầu hiểu biết một ngôn ngữ bác học, một ngôn ngữ cấp cao; việc không thể chối cãi được là sự học hỏi tiếng Pháp phải chính thức thay thế sự học hỏi tiếng Trung Quốc” (Nguyễn Phú Phong, 2005). Việc đem áp dụng một cách bắt buộc, tăng tốc, chữ Quốc ngữ của chính quyền Pháp ở Đông Dương vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 nhắm mục đích chính là xóa bỏ ảnh hưởng lâu đời của Trung Hoa ở Việt Nam, và thay thế vào đó một ý niệm về văn minh theo kiểu Âu Châu. “Như vậy thì đó là một toan tính thay thế một nền văn hóa, một thể hệ, một lớp trí thức bút lông, bằng một nền văn hóa khác, một thể hệ khác, một lớp trí thức khác viết bằng bút thép” (Nguyễn Phú Phong, 2005).

Sự thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ ở Việt Nam, theo Philippe Papin, tạo ra một hệ quả trực diện “liên quan đến các lối thể hiện” trong văn tự của người Việt, “tạo ra một cuộc cách mạng vĩ đại trong tâm thức, văn chương Việt Nam từ nay dựa trên nhạc tính của văn bản và tính chủ thể (“tôi” xuất hiện)” (Philippe Papin, 2001, tr.78). Đây là một nhận định xác đáng của Philippe Papin. Điều này được lý giải bởi những khác biệt rất xa giữa hệ chữ viết tượng hình (Hán - Nôm) và hệ chữ viết la tinh. Trước đây, cha ông ta đã từng sáng tạo ra chữ Nôm để ghi lại âm tiếng Việt, nhưng từ chữ Hán tới chữ Nôm hoàn toàn không tạo ra những đứt gãy, bởi cả hai loại chữ này vẫn cùng một hệ chữ tượng hình. Chữ Nôm có những điểm khá giống với phiên mẫu của nó là chữ Hán, trong quan hệ ngôn ngữ/chữ viết. Mỗi một chữ Nôm tương ứng với một đơn vị chữ viết tách biệt, một đơn vị ngữ nghĩa tối thiểu và một đoạn âm thanh bằng một âm tiết. Ta có thể phân biệt chữ Nôm

thành hai loại lớn: loại chữ đơn và loại chữ kép. Loại chữ đơn thường được vay mượn (còn gọi là *giả tá*) từ chữ Hán theo những nguyên tắc nhất định: Phiên viết theo đồng âm; phiên viết theo cận âm; phiên dịch trực tiếp. Còn loại chữ kép được hình thành dựa trên phép hình thanh hoặc phép hội ý. Như vậy, dù có diễn ra sự thay đổi về chữ viết, nhưng từ chữ Hán tới chữ Nôm có một mối liên hệ mật thiết, cùng là loại chữ biểu ý, mỗi chữ đều hội hàm trong nó những ý tưởng, triết lý sâu sắc của con người. Nhưng từ chữ Hán - Nôm chuyển sang chữ Quốc ngữ là một sự đổi thay khác hẳn. Chữ Quốc ngữ, tuy vẫn giữ lại âm (tiếng Việt) nhưng thay đổi ký hiệu (chuyển qua mẫu tự abc). Philippe Papin viết:

“Bỏ ký hiệu là cơ bản, vì chữ nho biểu ý là yếu tố biểu đạt của ngôn thuyết, một hình tượng tự nó có nghĩa và từ đó bài văn hình thành. Trong một câu thơ của bộ truyện lớn Kim Vân Kiều, nhân vật chính, khi ngắm màn đêm, nói: “Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời”. Trăng khuyết chỉ một ký hiệu, ba sao chỉ một ký hiệu khác, và, hợp lại, phải đọc là Tâm, lại chính là tên người tình của nàng (Thúc Kỳ Tâm tức Thúc Sinh - LTĐ). Cách viết cho ta hiểu nghĩa câu thơ. Nếu không biết chữ Hán, ta không thể nào hiểu được đoạn văn này ở dạng chữ Việt hiện đại, bởi các chữ của mẫu tự abc triệt tiêu mọi ý nghĩa thị giác. Tất nhiên vẫn còn những lối chơi chữ - và trong tiếng Việt có rất nhiều - nhưng từ nay chiếm ưu thế là âm chữ không phải là ký hiệu, là ngôn thuyết chứ không phải là chữ viết, là tiên tri chứ không phải thầy bói (Philippe Papin, 2001, tr.77-78).

Sự khác biệt ấy thực sự lớn lao. Bởi ngôn ngữ là ký hiệu của tư duy, còn chữ viết là ký hiệu của ngôn ngữ, nó là ký hiệu của ký hiệu. Thay đổi chữ viết từ chữ biểu ý sang chữ biểu âm tất yếu kéo theo sự thay đổi cả cách thức tư duy của con người. Quan điểm này của Philippe Papin - theo nhận định của người viết bài này - mang hàm ý về một sự chuyển biến tích cực. “Cuộc cách mạng vĩ đại trong tâm thức” mà ông nói đến giống như một sự cõi trời, một sự bung tỏa. Bởi chữ Quốc ngữ, với sự giản tiện nhưng đặc biệt hiệu quả của mình, có thể ghi lại mọi âm tiết của tiếng Việt, cho phép con người ta hoàn toàn được thỏa mãn việc ghi ký lại những vận động của tư duy, và do đó, kích thích tư duy sáng tạo.

Tuy nhiên, cuộc cách mạng ấy, theo Philippe Papin, “đã gây những tổn hại lớn cho di sản văn hóa Việt Nam”. Sự “tổn hại” này được ông đề cập từ hai góc độ:

Thứ nhất, đó là “tự cắt đứt mình với một nguồn thông tin lớn lao”. Lý giải của Philippe Papin, đó là bởi những di sản văn hóa đồ sộ Tây phương, ở thời điểm bấy giờ, xâm nhập vào Việt Nam đều thông qua quá trình chuyển ngữ sang chữ Hán. “Những tác giả lớn như Montesquieu, Rousseau hay Hobbes đã được biết đến ở Việt Nam hoàn toàn chẳng phải do trung gian nước Pháp, như người ta vẫn tưởng, nhưng, ngay từ cuối thế kỷ XIX, gián tiếp do các bản dịch chữ Hán. Cả những kỹ thuật ngân hàng và tài chính hiện đại, như tín dụng, hối phiếu, ngân phiếu hay chiết khấu, Việt Nam cũng đã biết đến qua Trung Quốc chứ không phải qua nước Pháp” (Philippe Papin, 2001, tr.78).

Thứ hai, “đoạn tuyệt với chữ Hán... lại cũng là tự cắt đứt mình với chính lịch sử của mình. Ngoài các nhà trí thức, ngày nay không còn ai biết thứ chữ đã dùng trong hàng bao

thể kỷ: búng gốc đột ngột và tròn vẹn lịch sử, văn học và văn hóa quốc gia đã tạo nên xứ này chẳng phải trong một quá khứ xa vời” (Philippe Papin, 2001, tr.79).

Đánh giá này của Philippe Papin, tuy gay gắt, nhưng chân thực, không thể phủ nhận. Nó chạm đến và đồng điệu với những ưu tư, trăn trở của tất cả người dân Việt Nam, nhất là giới trí thức, bao hàm cả những người sống ở thời đoạn lịch sử chứng kiến sự chuyển giao, thay thế của chữ viết tiếng Việt lúc bấy giờ, cả những người Việt Nam đương đại. Đây cũng chính là tác động lớn nhất của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ đến văn hóa Việt Nam. Làm rõ hơn điều này, Philippe Papin viết: “Một gián đoạn bi thảm: một người Việt Nam hiện nay không đọc được, trong nguyên bản, một cuốn tiểu thuyết thuộc thể kỷ trước, một tấm bia trong làng mình, gia phả của dòng họ mình và còn biết bao văn khắc nơi tiền điện và trên các cột đình, chùa; lại càng không thể đọc những biên niên của các triều vua thuật lại lịch sử Việt Nam, hay những thi nhân lấy lòng xứ sở đã sinh thành. Đó là sự mất mát khó lường” (Philippe Papin, 2001, tr.79). Những di sản văn hóa thâu thập được xuyên suốt hàng nghìn năm, dưới ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, có trọng lượng trên tương lai của xứ sở. Một trong những thành tố quan trọng của di sản đó là thuộc diện ngôn ngữ học, hay đúng hơn thuộc diện khái niệm mà chữ viết chỉ là một phương tiện truyền thông. Thôi dùng chữ Hán - Nôm, những mất mát mà ta có thể phải đối mặt không dễ gì định hình, nhận diện được trong chốc lát. Có lẽ, tương lai sẽ cho chúng ta một câu trả lời.

Nhưng ở một chiều cạnh khác, gần như đối lập, sự thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ lại mở ra một điều kiện để bảo tồn tốt hơn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, nhất là văn hóa dân gian. Về điều này, Philippe Papin, chỉ rõ: “Vì căn cứ trên âm, chữ viết này đã cho phép ghi chép lại hết, kể cả văn hóa dân gian (ngạn ngữ, phương ngôn, ca dao và tập quán) khi xưa chẳng hề được các nho sĩ lưu tâm. Những tiếng rao hàng ngoài phố, tiếng lóng của các phường thợ, những truyện truyền kỳ của nền văn chương truyền khẩu, tất cả đều được bảo tồn” (Philippe Papin, 2001, tr.79). Đây rõ ràng là một tác động tích cực hiển nhiên của cuộc đổi thay này. Chữ tượng hình, do sự phức tạp của nó, hầu như chỉ được phổ truyền trong giới trí thức - một bộ phận chiếm tỉ lệ không hề lớn trong xã hội. Cái văn hóa được lưu giữ trong con chữ ấy, nhìn nhận một cách chân thực, là thứ văn hóa bác học, được xây dựng dựa trên rất nhiều là những điển tích, điển cố Trung Hoa, phục vụ cho khoa cử; một bộ phận khác là các văn bản hành chính, các ghi chép lịch sử. Nhưng còn một dòng chảy văn hóa khác - văn hóa dân gian, thì vẫn sống cuộc đời bất tận của nó dựa trên sự truyền miệng, hầu như không được các nho sĩ lưu tâm đến. Song đến khi chữ Quốc ngữ xuất hiện, văn hóa dân gian đã được sống bằng một nguồn sống khác, đó là được ký tự hóa, lưu giữ, bảo tồn. Sở dĩ có được điều này, là bởi tính tiện dụng vượt trội của chữ Quốc ngữ so với chữ Hán - Nôm. Vậy là, cuộc đổi thay chữ viết lại mở ra một phương cách bền vững cho người Việt Nam tìm về với cội nguồn văn hóa của mình. Nó còn kéo gần lại khoảng cách vời vợi giữa trí thức với quần chúng, giữa thành thị với nông thôn. Philippe Papin đã có những phân tích thực sự sâu sắc về điều này:

“Nhờ công cụ đó, từ những năm 30, giới trí thức bắt đầu lưu tâm đến quần chúng. Hai bên gặp nhau trong các phong trào xóa nạn mù chữ năm 1945, và rồi trong thời sơ tán tránh máy bay Mỹ oanh tạc. Chữ viết La-tinh-hóa đã có hệ quả - và có lẽ có mục tiêu - là hợp nhất thành phố với nông thôn và đưa đại khối nông dân tham gia việc nước, liên kết các tầng lớp có học thức đã đề xướng cách mạng với nhân dân mà họ tự nhận là phần tử. Từ nay ai cũng đều biết viết và viết ngôn ngữ của mình. Lần đầu tiên mở ra toàn bộ không gian xã hội. Thời ấy người ta có cảm thức chung một chữ viết tức là chung một định mạng. Điều này vô cùng hệ trọng, vì ngôn ngữ La-tinh-hóa như thế đã góp phần thu hẹp sự ngăn cách tự ngàn xưa giữa văn hóa dân gian và văn hóa bác học. Là yếu tố không thể chối cãi của sự thống nhất một không gian xã hội” (Philippe Papin, 2001, tr.79-80).

Tuy có phần dè dặt, song Philippe Papin còn đưa ra nhận định về một tác động khác của quá trình thay đổi chữ viết đến văn hóa, đó là góp phần tạo nên sự thống nhất quốc gia cho Việt Nam. Ông viết:

“Chính chữ viết La-tinh-hóa đã không để các đặc thù ngôn ngữ trở thành những phương ngữ khác hẳn nhau. Rất có thể chữ viết ấy đã chặn đứng những khuynh hướng ly tâm của ngôn ngữ nói. Rất có thể chữ viết ấy đã góp phần rất lớn diễn chế hóa và, do đó, thống nhất ngôn ngữ. Khi một từ bắt đầu được viết ra và trở thành bất biến, ai cũng phải dùng từ ấy, các cách viết dần dần khiến chỉ có một phát âm. Với ngữ pháp và cú pháp cũng không khác. Văn tự, vì cầm giữ ngôn từ, khiến ngôn từ bất biến. Rất có thể chữ viết La-tinh-hóa đã thành công kết hợp các cách dùng tiếng Việt khác nhau, và như thế tăng cường sự nhất thống quốc gia cho Việt Nam” (Philippe Papin, 2001, tr.80).

Theo người viết bài này, nhận định của Philippe Papin mới mẻ, thú vị và đáng tin cậy. Thực tiễn hôm nay cho chúng ta một kiểm chứng cho nhận định ấy. Tiếng Việt, từ Bắc và Nam, đã được phương ngữ hóa, tạo nên những giọng địa phương rất rõ rệt, không chỉ khác nhau ở cách phát âm, mà còn đôi khi, còn khác biệt cả ở từ vựng. Tuy nhiên, nhờ sự hiện hữu của chữ viết La-tinh-hóa, sự khác biệt ấy đã không thể dẫn đến sự phân tách hoàn toàn của ngôn ngữ. Người Việt ở những vùng miền khác nhau, tuy có thể gặp những khó khăn nhất định để nắm bắt âm tiết của nhau, nhưng vẫn hoàn toàn có thể vượt qua được để hiểu nhau, chỉ trên cơ sở của tiếng nói, chứ chưa nói đến việc dùng chữ viết.

Có thể nói, những nhận định của Philippe Papin về tác động của quá trình thay đổi từ chữ Hán - Nôm sang chữ Quốc ngữ đến văn hóa Việt Nam là kết quả của sự hiểu biết sâu sắc đáng kinh ngạc từ một học giả ngoại quốc đối với chính chúng ta. Philippe Papin, bằng sự cẩn trọng khoa học và tư duy sắc sảo tuyệt vời của mình, đã đưa đến cho chúng ta những nhận định, đánh giá vừa sâu sắc, tin cậy, vừa mới mẻ, thú vị về vấn đề này. Văn hóa Việt Nam, kể từ khi chữ Quốc ngữ được phổ thông hóa và dần thay thế chữ Hán - Nôm, đã có một sự chuyển mình mạnh mẽ. Giữa bối cảnh giao thời của văn hóa Đông - Tây, chữ Quốc ngữ đã đến với dân tộc Việt Nam, và cha ông ta, với tư duy bén nhạy cùng tinh thần cầu thị

đáng nề phục của mình, đã sẵn sàng từ bỏ những gánh nặng thủ cựu để tiếp nhận nó một cách kịp thời. Dẫu còn nhiều điều phải ưu tư, song không thể phủ nhận rằng, những điều tích cực mà sự thay đổi chữ viết đem đến cho Việt Nam không dễ gì đo đếm được.

4. Góc nhìn của Philippe Papin cũng đem đến nhiều gợi nhắc cho Việt Nam hôm nay. Điều ông nói đến về sự bất lực trong việc đọc hiểu, thấu cảm những văn tự cha ông để lại bằng chữ Hán - Nôm đang hiện diện trong không ít chúng ta. Những chữ viết trên các di chỉ, cổ vật quý báu, đình chùa miếu mạo, hay trong cả gia phả tổ tiên lại trở thành xa lạ với chính thế hệ con cháu hôm nay. Điều ấy thực đáng để chúng ta phải trăn trở.

Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của việc truyền bá, phổ cập chữ Quốc ngữ đối với Việt Nam. Đó không chỉ là tình thế của dân tộc, mà còn là đòi hỏi tất yếu của một nước Việt Nam muốn khẳng định độc lập, tự chủ. Nhưng cách chúng ta đối xử với chữ Hán - Nôm, *chữ thánh hiền* của cha ông, thì thực sự cần phải xem xét lại. Chúng ta, liệu chẳng đang phạm phải những sai lầm? Chưa nói đến việc hạn hẹp trong truyền dạy chữ Hán - Nôm, một sai lầm dễ thấy mà chúng ta đang mắc phải, đó là đồng nhất địa chính trị với địa văn hóa. Điều này đã được không ít nhà nghiên cứu đề cập. Chữ Hán, đúng là ngõ hầu có thể khẳng định đó là một loại chữ không có cội rễ từ dân tộc Việt, nhưng qua hàng ngàn năm chung sống với nó, thì nó đã trở thành một phần máu thịt trong văn hóa Việt Nam. Xét về mặt ngôn ngữ, chữ Hán sử dụng trong tiếng Việt, được dùng để biểu âm, đọc với vô âm của người Việt, không thể nào là “sản phẩm phương Bắc” và cũng không nên coi Hán tự dùng trong nước là văn tự của nước ngoài. Ở khía cạnh văn hóa, nó như là một chỉnh thể, có ảnh hưởng, có tiếp biến và hỗn dung văn hóa. Có dứt bỏ suy nghĩ ấy, cố buộc chữ Hán vào một thứ thuộc về ngoại lai để tẩy chay nó hẳn nhiên là một lối tư duy ấu trĩ. Đáng quan ngại hơn, chữ Hán còn “được đặt” trong bối cảnh quan hệ Việt Nam - Trung Quốc hiện tại, trở thành đối tượng bị bài xích, tẩy chay. Cách nhìn lệch lạc đánh đồng địa chính trị và địa văn hóa này kéo theo hệ quả là tâm lý tẩy chay tất cả những “yếu tố Tàu” trong văn hóa Việt truyền thống. Các văn tự Hán - Nôm, vì thế cũng bị nhìn nhận như những gì thuộc về thủ cựu, già cỗi, giáo điều, không được đánh giá đầy đủ những giá trị to lớn mà nó đang lưu giữ. Từ chỗ không biết (vô tri), người Việt hôm nay còn vô cảm với những báu vật truyền đời của cha ông. Điều đó, chẳng khác nào chúng ta đang đoạn tuyệt với cội rễ của chính mình.

Giải quyết những vấn đề này, đương nhiên không phải, và không thể được thực hiện chỉ bởi một số ít người. Đó là một công việc ở tầm vĩ mô, cần đến sự quan tâm và quyết sách của nhà nước. Đó cũng không phải chỉ là việc dạy hay không dạy, mà trước hết phải là thay đổi tư duy, thay đổi cách tiếp cận vấn đề. Trong bối cảnh hiện nay, chưa thể nói đến “phổ cập” trở lại chữ Hán - Nôm trong rộng rãi cộng đồng, vì nó không khả thi, và cũng còn phải băn khoăn về sự cần thiết. Nhưng việc tạo dựng một nhận thức xã hội đúng đắn, trên cơ sở tôn trọng những giá trị truyền thống, nhìn nhận công tâm về văn tự của cha ông là điều thực sự cần thiết. Người viết cho rằng, điều cần thực hiện ngay trước mắt, là phải tạo ra được một lớp dày dặn những nhà nghiên cứu Hán - Nôm, trước hết là những sinh viên

chuyên ngành. Từ những “hạt nhân” ấy, cần tìm tòi, khám phá và lan tỏa tinh hoa tri thức, văn hóa Hán Nôm ra với cộng đồng, nhất là giới trẻ. Những bước đi lớn lao kế tiếp, có lẽ cần đến cái tâm, tầm, tài của những người lãnh đạo đất nước này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt – văn Việt – người Việt*. NXB Trẻ.
2. Nguyễn Hải Hoàn (2017), “Sao lại nói chữ Quốc ngữ Việt Nam “rất nực cười”?”, <http://nghiencuuquocte.org/2017/12/11/sao-lai-noi-chu-quoc-ngu-vn-rat-nuc-cuoi/>.
3. Nguyễn Hải Hoàn (2015), “Tại sao Việt Nam không bị đồng hóa sau 1.000 năm Bắc thuộc?”, <http://nghiencuuquocte.org/2015/09/07/viet-nam-khong-bi-dong-hoa-1000-nam-bac-thuoc/>.
4. Nguyễn Phú Phong (2005), “Chữ Quốc ngữ bành trướng từ Nam ra Bắc”, trong *Việt Nam, chữ viết, ngôn ngữ và xã hội*, NXB ĐH Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
5. Phan Hưng Nhơn (2018), “Tiếng nói và chữ viết của người Việt Nam qua các thời đại”, <https://nghiencuulichsu.com/2018/03/11/tieng-noi-va-chu-viet-cua-nguoi-viet-nam-qua-cac-thoi-dai/>.
6. Philippe Papin (2001), *Việt Nam hành trình một dân tộc*, NXB Thời mới, Toronto, Canada.